

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ C
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 21/2021/HN-ST

Ngày: 14/4/2021.

“V/v *Xin ly hôn*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hòa Hợp**.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông **Lê Văn Tám**;

- Ông **Đặng Thế Ứng**;

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Võ Phong Hiếu** – Thư ký Tòa án nhân dân Thị Xã C, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thị Xã C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* **Không tham gia**.

Ngày 14 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thị Xã C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 449/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp “*Xin ly hôn*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 25 tháng 2 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19/3/2021 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** **Nguyễn Quốc V**, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Ấp M, xã L, Thị Xã C, tỉnh Tiền Giang.

- **Bị đơn:** **Lê Thị T**, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Ấp M, xã L, Thị Xã C, tỉnh Tiền Giang.

(ông V có đơn xin xét xử vắng mặt, bà T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn ông **Nguyễn Quốc V** trình bày:

Ông và bà T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988 cho đến nay, có tổ chức lễ cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu ông và bà sống với nhau hạnh phúc. Từ năm 2012 đến nay thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau, thường xuyên tranh cãi nhau, cuộc sống vợ chồng có nhiều xung đột, hôn nhân không hạnh phúc, ông và bà T đã ly thân với nhau hơn 7 năm. Nay thấy tình cảm không còn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà T.

- Về con chung: Ông và bà T có 02 con chung gồm: **Nguyễn Hoàng A** sinh ngày 09/6/1989 và **Nguyễn Thùy M**, sinh ngày 03/02/1993 đã trưởng thành có nghề nghiệp ổn định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn bà Lê Thị T vắng mặt, mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của ông V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Quốc V và bà Lê Thị T tự nguyện sống chung với nhau năm 1988 nhưng không đăng ký kết hôn, do đó pháp luật không công nhận là vợ chồng. Nay tranh chấp được xem xét giải quyết theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định Điều 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội.

Ông Nguyễn Quốc V có đơn xin xét xử vắng mặt. Bà Lê Thị T vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với bà T.

[2] Về nội dung: Ông Nguyễn Quốc V yêu cầu xin ly hôn với bà T, do mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng, cuộc sống vợ chồng có nhiều xung đột, thường xuyên cự cãi nhau, hôn nhân không hạnh phúc tình cảm gia đình không còn, vợ chồng không hòa giải được. Ông và bà T đã ly thân với nhau hơn 7 năm. Xét yêu cầu của ông Nguyễn Quốc V có cơ sở do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Ông V. Ông V và bà T chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14; 53 Luật Hôn nhân gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ giữa ông V và bà T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Ông V và bà T có 02 con chung gồm: Nguyễn Hoàng A sinh ngày 09/6/1989 và Nguyễn Thùy M, sinh ngày 03/02/1993 đã trưởng thành có nghề nghiệp ổn định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Ông V phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 9, 14, 15, 51, 53, 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Điều 28, Điều 35 , điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội.

Xử:

- ***Về tình cảm:*** Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa ông Nguyễn Quốc V và bà Lê Thị T là vợ chồng.

- Về án phí Hôn nhân sơ thẩm:

Ông Nguyễn Quốc V phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng ông được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0006668 ngày 11/12/2020 của Chi Cục Thi hành án Dân sự Thị Xã C, tỉnh Tiền Giang.

Ông V, bà T có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TG;
- VKSND TX C;
- C.c. THADS TX C;
- Đường sự (để thi hành);
- UBND xã L , TX C;.
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Hòa Hợp